

CHIA SẺ NGUỒN NƯỚC - NHỮNG TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC

TS. Lã Thanh Hà, ThS. Huỳnh Thị Lan Hương

Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Tài nguyên nước

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

1. Mở đầu

Nước là thành phần cấu tạo chính của mọi vật thể sống, là loại vật chất phong phú nhất trên trái đất. Đối với con người nước là một loại thực phẩm đặc biệt. “Cơm ăn” và “nước uống” là hai yếu tố cơ bản của sự sống đối với con người. Hoạt động sinh tồn của con người ngày càng phát triển, xã hội ngày càng văn minh thì nước sinh hoạt ngày càng quý giá.

Lượng nước trên trái đất là rất lớn, ước tính 1386 triệu km³, 96,5% là nước đại dương, nước ngọt ở các dạng là 2,5% trong đó 1,7% là băng tuyết ở hai cực, nước ngọt của các sông hồ là 0,0072%. Lượng nước ngọt của sông, hồ chỉ đạt 0,27% [6] lượng nước ngọt trên trái đất, và phân bố theo không gian và phân phối theo thời gian không đồng đều. Chỉ 15 con sông lớn nhất trên thế giới đã chiếm đến 1/3 lượng nước ngọt toàn cầu; riêng sông Amazon đã chiếm tới 15% lượng nước của 15 con sông đó. Trong khi đó phần lớn lục địa châu Phi, một phần châu Á, miền Nam nước Mỹ; Mêhicô, Australia và phần lớn Nam Mỹ là nơi khan hiếm nước. Ngược lại, vùng phía Tây và Đông Nam Châu Á, vùng trung Châu Phi lại nhiều mưa, lượng nước dồi dào. Tại Châu thổ Công Gô - Zai – a với số dân chỉ 10% dân số Châu Phi nhưng chiếm đến 50% lượng nước toàn vùng. Lượng nước ngọt cần dùng cho đời sống con người ngày càng trở nên khan hiếm.

Việt Nam là một nước ở vùng nhiệt đới gió mùa, có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, nước sông dồi dào. Tuy vậy do điều kiện khí hậu khắc nghiệt và địa hình phức tạp nên hàng năm có những thời đoạn thiếu

nước nghiêm trọng phải. Đặc biệt ở miền núi về mùa cạn nhiều nơi khan hiếm nước, có khi đi cả ngày mới kiếm được một can [6]. Theo ước tính, nước dùng hiện nay chiếm gần 20% của tổng lượng nước mùa cạn, trong đó, lượng nước khai thác rất lớn so với nguồn nước tiềm tàng có thể khai thác. Với sự tăng trưởng của đất nước về mọi mặt, tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế 5%/năm, dẫn tới nhu cầu sử dụng nước ở nước ta sẽ ngày càng tăng.

Do lượng nước trong sông thường biến đổi rất lớn theo không gian và thời gian không phù hợp với yêu cầu sử dụng của con người, nên trong những thời gian dòng sông ít nước, cạnh tranh trong sử dụng nước thường hay xảy ra gây nên những mâu thuẫn trong sử dụng nước giữa các ngành dùng nước hay giữa các khu vực khác nhau.

Chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước (TNN là một nội dung quan trọng của quy hoạch tài nguyên nước của lưu vực sông nhằm giải quyết những tồn tại khi tình trạng trên xảy ra. Đối với các lưu vực sông có tài nguyên nước phong phú nhưng nhu cầu sử dụng nước còn ít so với tiềm năng thì vấn đề chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước chưa thật bức xúc. Tuy nhiên, đối với các lưu vực sông khan hiếm nước thì vấn đề chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước là vô cùng cần thiết để làm giảm nhẹ các mâu thuẫn và xung khắc trong sử dụng nước, khắc phục suy thoái nguồn nước và duy trì ổn định môi trường của dòng sông.

Giải quyết tốt vấn đề chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước của lưu vực sông sẽ góp phần bảo vệ quyền dùng nước chính đáng của người dùng, đem lại

công bằng xã hội và bền vững về môi trường.

2. Các vấn đề tồn tại trong sử dụng và phát triển tài nguyên nước

a. Các vấn đề tồn tại trong sử dụng tài nguyên nước

Nguồn nước tự nhiên ở Việt Nam tương đối dồi dào, tổng lượng nước các sông đạt đến 880 tỷ m³/năm, nhưng phân phối rất không đều hoà trong năm và sự phân bố không đều trên toàn lãnh thổ, gây nên những bất lợi nhất định trong quá trình sử dụng nước. Nước thừa trong mùa lũ và thiếu trong những tháng mùa cạn. Ở một vài nơi nước không đủ cung cấp cho nhu cầu (Ninh Thuận, Bình Thuận, Sơn La, Hà Giang...). Bên cạnh đó có tới 63% nguồn nước do bộ phận lưu vực nằm ngoài lãnh thổ chảy vào, chủ yếu thuộc lưu vực sông Hồng và sông Cửu Long. Trong trạng thái tự nhiên đó là một ưu thế lớn, cho phép chúng ta có thể sử dụng một lượng nước đáng kể, không hình thành trên phạm vi đất nước. Nhưng mặt khác, phần hạ lưu các con sông này lại gánh chịu sức ép của một lượng nước khổng lồ vào mùa lũ, gây nên ngập lụt trên diện rộng.

Đồng thời, việc phát triển kinh tế xã hội ở nhiều nước đòi hỏi phải sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả, do đó việc khai thác nguồn nước các sông ở phần thượng nguồn cũng càng được đẩy mạnh. Chính vì vậy, nếu như nước ở thượng nguồn được khai thác với mức độ cao, chế độ dòng chảy tự nhiên bị thay đổi đáng kể sẽ dẫn đến sự thay đổi ở vùng hạ lưu, gây khó khăn không nhỏ cho việc sử dụng nước ở hạ lưu. Đây là điều cần được xem xét giải quyết trong quá trình lập các dự án quy hoạch khai thác phát triển nguồn nước.

Trên mỗi lưu vực sông, hầu như chưa thực hiện các biện pháp quản lý đồng bộ có hệ thống; việc quản lý khai thác thường phân tán trong các ngành khác nhau nhằm phục vụ lợi ích của ngành, ít gây chú ý đầy đủ đến lợi ích của ngành khác hoặc chú ý đến khía cạnh bảo vệ môi trường thiên nhiên: Ngành lâm nghiệp khai thác rừng và trồng rừng; ngành nông nghiệp cần phá rừng làm nương rẫy sản xuất... Những hoạt động "đơn phương" như vậy dẫn tới sự phá vỡ cân bằng của các yếu tố sinh thái trên

lưu vực sông, thay đổi điều kiện hình thành và tái tạo nguồn nước trong chu trình tuần hoàn của nó, gây nên sự suy giảm nguồn nước.

Trong tương lai, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt và nước ngầm sẽ được tăng cường với mức độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển một nền kinh tế toàn diện, thoả mãn nước sinh hoạt cho nhân dân ở thành phố và nông thôn.

b. Những mâu thuẫn có thể xảy ra trong khai thác sử dụng tài nguyên nước

1) Mâu thuẫn giữa trung thượng lưu với hạ lưu

Có thể nhận thấy rằng, trong những thập kỷ tới cùng với sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội, lượng nước cần dùng trong tất cả các vùng đều có xu hướng tăng. Như vậy, nếu sử dụng ở trung và thượng lưu lớn và không hợp lý sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nguồn nước sông có thể cung cấp cho các nhu cầu dùng nước ở hạ lưu. Điều đó cũng có nghĩa rằng, có thể phát sinh mâu thuẫn về nước giữa trung, thượng lưu và hạ lưu, giữa các tỉnh ở trung thượng lưu với các tỉnh ở hạ lưu.

Ngoài ra, do dòng chảy sông suối Việt Nam còn biến đổi rất mạnh mẽ theo không gian, điều đó dẫn đến tình trạng có lưu vực sông, nguồn nước dồi dào, có lưu vực sông, nguồn nước rất nghèo. Do vậy, có thể phát sinh mâu thuẫn giữa các vùng.

2) Mâu thuẫn giữa nhu cầu dùng nước với nguồn nước

Như đã nêu, một trong những đặc điểm cơ bản của dòng chảy sông suối ở Việt Nam nói chung là biến đổi theo mùa và dao động giữa các năm. Đặc điểm này là nguyên nhân chính gây nên mâu thuẫn giữa nguồn nước tự nhiên với nhu cầu dùng nước. Nếu cân đối giữa nguồn nước tự nhiên với lượng nước dùng cho toàn năm thì trên nhiều lưu vực sông không thiếu nước, nhưng nguồn nước tự nhiên của sông suối chưa qua điều tiết cạn kiệt về mùa cạn, trong khi đó lượng nước cần dùng tập trung chủ yếu vào mùa khô cạn, nhất là lượng nước cho tưới vụ đông xuân và vụ hè thu, còn mùa mưa lũ thì lượng nước dùng không lớn. Do đó, xảy ra thiếu nước

trong mùa khô. Mặt khác, trên một số lưu vực sông, một số vùng, hiện tượng thiếu nước xảy ra thường xuyên do nguồn nước tự nhiên trong vùng không dồi dào như các vùng ven biển Nam Trung Bộ, Quảng Ninh, ... có môđun dòng chảy trung bình nhiều năm dưới 10 l/s.km².

3) Mâu thuẫn về nước giữa tưới và phát điện

Lượng nước tưới chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng số lượng nước cần dùng. Các hồ chứa thủy điện thường là loại hồ chứa sử dụng tổng hợp nguồn nước, kết hợp giữa tưới, phát điện và chống lũ cho hạ du. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa lợi ích sản xuất nông nghiệp (chủ yếu cho tưới) và phát điện có thể xảy ra trong mùa cạn của những năm nước ít, hồ chứa tích không đầy nước hoặc hồ chứa không đủ dung tích để tích nước dùng cho mùa cạn.

4) Mâu thuẫn về nước giữa môi trường với các ngành khác

Ngoài lượng nước cần dùng cho sinh hoạt và sản xuất nước còn cần để duy trì môi trường sinh thái. Thực tế cho thấy do không chú ý đến bảo vệ môi trường, nên lượng nước ở hạ lưu hồ chứa có thể bị cạn kiệt, dòng sông ở hạ lưu đập chắn bị khô cạn, trở thành dòng sông "chết", hoặc không đủ nước để duy trì môi trường sinh thái nói chung và môi trường nước nói riêng, hậu quả là nguồn nước bị cạn kiệt hoặc ô nhiễm nặng nề (do không đủ nước để pha loãng), lòng sông, bờ sông và cửa sông bị xói lở trầm trọng, cản trở giao thông thủy và lấy nước tưới.

Ở những nơi khai thác nguồn nước quá mức để tưới ruộng, đặc biệt là để tưới cà phê, dẫn đến mực nước ngầm hạ thấp đáng kể, ảnh hưởng đến cạn kiệt nguồn nước sông suối và mực nước ngầm, gây nên thiếu nước cho sinh hoạt và duy trì dòng chảy môi trường.

3. Những tồn tại và thách thức

Mặc dù, trong thời gian qua, ngành tài nguyên nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tuy nhiên trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước, vẫn còn một số tồn tại sau:

a. Khai thác sử dụng tài nguyên nước

Mặc dù có nhiều kết quả trong khai thác sử dụng tài nguyên nước đáp ứng nhu cầu nước cho phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh trong những năm qua năm qua. Tuy nhiên, trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước còn một số tồn tại sau đây:

1) Phương thức khai thác sử dụng nước hiện tại còn chưa bền vững;

2) Khai thác sử dụng tài nguyên nước còn riêng rẽ theo ngành, chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng tổng hợp tài nguyên nước;

3) Hiệu quả khai thác sử dụng nước của các công trình còn thấp;

4) Trong khai thác sử dụng tài nguyên nước hiện nay chưa xem xét việc đảm bảo nước cho hệ sinh thái và môi trường;

5) Khai thác nước dưới đất còn tùy tiện, tại một số nơi đã làm sụt giảm mực nước dưới đất, chưa phối hợp chặt chẽ với khai thác sử dụng nước mặt;

b. Quy hoạch phát triển tài nguyên nước

Trên hầu hết các lưu vực sông ở Việt Nam chưa có quy hoạch sử dụng tổng hợp tài nguyên nước được xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên các lưu vực đã có các quy hoạch sử dụng nước của các ngành như quy hoạch thủy lợi, quy hoạch thủy điện, quy hoạch cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn, quy hoạch thủy sản. Các quy hoạch này chỉ là quy hoạch đơn ngành do từng ngành lập. Một số quy hoạch có đề cập đến sử dụng tổng hợp tài nguyên nước nhưng chưa giải quyết thỏa đáng yêu cầu sử dụng tổng hợp tài nguyên nước trong đó có thể kể đến là quy hoạch thủy lợi, quy hoạch thủy điện.

Quy hoạch thủy lợi

Ngành thủy lợi, nhiều năm đã xây dựng hàng loạt hồ chứa loại vừa và nhỏ phục vụ tưới, phát điện hoặc sử dụng tổng hợp, làm thay đổi sâu sắc chế độ dòng chảy trong năm của sông. Tuy nhiên, việc quản lý khai thác một số hồ sử dụng tổng hợp còn rất phân tán: nguồn nước do ngành thủy lợi quản lý:

thủy sản do ngành thủy sản quản lý; du lịch do ngành du lịch quản lý,... Điều đó gây nên những mâu thuẫn trong quá trình vận hành kho nước nhằm phục vụ cho các mục tiêu khác nhau.

Nhìn chung các quy hoạch thủy lợi đã đánh giá được đặc điểm và điều kiện nguồn nước của các lưu vực sông tại các vùng quy hoạch và đề xuất các phương án quy hoạch các công trình thủy lợi, chủ yếu là xây dựng các hồ chứa và đập dâng vừa và nhỏ cung cấp nước tưới cho phát triển nông nghiệp các khu vực. Một số quy hoạch thủy lợi cũng đã xem xét sử dụng tổng hợp tài nguyên nước của các công trình thủy lợi cho phát điện, phòng chống lũ, cấp nước sinh hoạt... nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của quy hoạch tổng hợp và chỉ là quy hoạch đơn ngành.

Quy hoạch thủy điện

Nhìn chung các quy hoạch thủy điện đã đưa ra sơ đồ khai thác thủy năng phù hợp với đặc điểm và điều kiện của các lưu vực sông. Tuy nhiên còn một số tồn tại là:

1) *Do là quy hoạch đơn ngành nên trong quy hoạch thủy điện ngành điện mới quan tâm chủ yếu đến hiệu quả kinh tế của phát điện, các hiệu quả tổng hợp khác như phòng chống lũ, tưới... chỉ xem xét sau đó ở mức kết hợp.*

2) *Về mặt môi trường các công trình thủy điện trong quy hoạch và thiết kế còn tồn tại như là :*

- Các hồ thủy điện đã xây dựng chưa xem xét trả lại một lượng dòng chảy môi trường cần cho hệ sinh thái nước và duy trì các giá trị môi trường ở khu vực hạ lưu.

- Do sử dụng đường ống áp lực để dẫn nước từ đập đến nhà máy thủy điện ở phía sau cách đập vài km nên nhiều hồ thủy điện đều tạo một đoạn sông "chết" ngay sau đập đã làm cho hệ sinh thái thủy sinh trong đoạn sông này hầu hết bị suy thoái nặng.

Ngoài ra, còn có thể kể đến một số tồn tại khác như:

- Ở các trung tâm công nghiệp, hầu hết các nhà máy được xây dựng đều lấy nước và thải nước trực tiếp vào sông, hồ, không qua xử lý. Nước thải sinh

hoạt ở các thành phố, đô thị cũng được xả trực tiếp vào hệ thống sông suối. Vào thời kỳ đầu, do quy mô công trình không lớn, lượng nước lấy đi chưa đáng kể, lượng nước thải đổ vào sông cũng còn ít, những hoạt động trên đây chưa gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái lưu vực sông cũng như chất và lượng của nguồn nước trong chu trình tuần hoàn.

Trong những năm gần đây, sự tăng trưởng của nền kinh tế, nhiều nhà máy công trình, khu dân cư được xây dựng, nhu cầu sử dụng nước ngày càng cao, tác động của chúng ngày càng lớn đến nguồn nước; trong đó phải kể đến việc xây dựng hồ chứa tại Dầu Tiếng và Trị An trên sông Đồng Nai, thủy điện Hoà Bình trên sông Đà, mà việc đánh giá ảnh hưởng của chúng đến hệ sinh thái vùng thượng và hạ lưu hồ cũng mới chỉ là bước đầu. Một lượng nước sau khi qua tua bin nhà máy thủy điện Đa Nhim, được đưa sang vùng thượng nguồn sông Cái – Phan Rang, bổ sung nước cho hệ thống thủy nông Nha Chánh, tưới cho 12000 ha ở Phan Rang cũng làm giảm nhất định lượng nước về hạ lưu sông Đồng Nai.

Trong tương lai, sẽ tiếp tục tiến hành một số dự án xây dựng công trình chuyển nước thượng nguồn sông Đồng Nai, bổ sung cho vùng khô hạn ở hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Các hoạt động như vậy sẽ gây ra những biến động của TNN sông Đồng Nai nói chung.

c. Quản lý tài nguyên nước

Quản lý tài nguyên nước (QLTNN) ở Việt Nam hiện nay đang trong bước đầu chuẩn bị các cơ sở để chuyển đổi từ quản lý truyền thống sang quản lý tổng hợp. Có nhiều tồn tại trong QLTNN so với yêu cầu chuyển đổi cần xem xét trong quy hoạch như là:

1) *Quản lý tài nguyên nước vẫn theo địa giới hành chính, chưa có cơ chế hợp lý để thực hiện quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông.*

2) *Quản lý sử dụng nước hiện nay vẫn riêng rẽ theo ngành và theo chiều từ trên xuống. Hiện chưa có những cơ sở cần thiết để chuyển đổi sang quản lý tổng hợp TNN.*

3) *Trong QLTNN chưa kết hợp phát triển tài nguyên*

nước với việc phân phối, chia sẻ, sử dụng tổng hợp, hợp lý và hiệu quả tài nguyên nước

4) QLTNN trên lưu vực hiện vẫn là quản lý cung cấp nước, chưa có các cơ sở để thực hiện quản lý nhu cầu nước

5) Năng lực quản lý của cơ quan QLTNN địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

6) Sự tham gia của người dùng nước trong quản lý và bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương còn rất hạn chế, chưa có cơ chế thuận lợi cho cộng đồng tham gia QLTNN.

7) Quản lý vận hành các công trình lớn trên các hệ thống sông còn nhiều bất cập, chưa có sự phối hợp trong toàn hệ thống.

4. Tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu

Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến tài nguyên nước. Lượng dòng chảy sông ngòi luôn biến đổi tùy theo mức độ biến đổi của lượng mưa, còn mưa thì biến đổi phụ thuộc vào nhiệt độ không khí. Nếu lượng mưa giảm 10% thì dòng chảy có thể giảm 17-53% khi nhiệt độ không khí tăng 2,5°C và giảm 26-90% khi nhiệt độ không khí tăng 4,5°C. Mức độ biến đổi mạnh nhất xảy ra ở Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ [8].

Nếu Trái Đất nóng lên sẽ làm cho nước biển có thể dâng cao thêm 0,3-1,0 m; dẫn đến nhiều vùng thấp ở đồng bằng sông Cửu Long, vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và ven biển Trung Bộ sẽ bị chìm trong nước biển.

Các tác động này sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh ven biển Việt Nam, Nước biển dâng sẽ gây ra thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn.

5. Các thách thức và vấn đề đặt ra về chia sẻ, phân bổ nguồn nước

Từ hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam và các tồn tại trong khai thác sử dụng và QLTNN đã phân tích tổng hợp ở trên, có thể nêu lên các vấn đề chủ yếu đặt ra cần xem xét giải quyết trong quy hoạch chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước lưu vực sông như sau.

1) Xây dựng cơ sở để giải quyết vấn đề chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước của lưu vực sông, chủ yếu là chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước mặt nhằm nâng cao hiệu quả và hạn chế các mâu thuẫn trong sử dụng nước của lưu vực sông.

Mâu thuẫn trong sử dụng nước trên các lưu vực sông đang ngày càng gia tăng, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội, một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng trên là trên lưu vực chưa có cơ sở và giải pháp phân bổ tài nguyên nước để giải quyết khi có cạnh tranh về sử dụng nước giữa các ngành, các khu vực. Vì thế, quy hoạch sẽ giúp cho lưu vực có cách thức và bước đi giải quyết vấn đề trên.

Về chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước, quy hoạch chỉ tập trung vào giải quyết vấn đề chia sẻ, phân bổ đối với tài nguyên nước mặt, còn đối với nước dưới đất do đặc thù của thủy vực này ở dưới sâu nên không thể chia sẻ, phân bổ mà chỉ đưa ra các giải pháp để phối hợp sử dụng hợp lý với nước mặt để nâng cao hiệu quả sử dụng nước của lưu vực sông.

Trong chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước mặt, quy hoạch phải đi sâu vào:

- Trước tiên là giải quyết việc chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước sử dụng cho các ngành (tưới, phát điện, cung cấp cho sinh hoạt và công nghiệp), trong đó chú trọng đến sử dụng nước của thủy điện nhất là các công trình thủy điện trên dòng chính, sao cho việc xây dựng các công trình chỉ làm tốt hơn nhưng không được làm kém đi tình hình sử dụng nước cho các ngành khác, của dân cư sống ven sông. Muốn vậy phải xác định các quy tắc hoặc nguyên tắc cho sử dụng nước của các ngành, sao cho mỗi ngành vẫn đảm bảo lợi ích kinh tế của ngành mình, nhưng không làm giảm lợi ích sử dụng tổng hợp, lợi ích sử dụng nước của các ngành khác, không ảnh hưởng đến nước cho môi trường. Trong trường hợp sông thiếu nước cần phải đưa ra phương án chia sẻ lượng nước thiếu và xác định tỷ lệ phân bổ nước sử dụng của mỗi ngành để đảm bảo hiệu quả sử dụng nước, giảm thiểu thiệt hại của tình trạng thiếu nước.

- Thứ hai, đó là giải quyết vấn đề chia sẻ, phân bổ lượng nước sử dụng giữa các khu vực trên lưu vực sông, thí dụ giữa thượng lưu và hạ lưu, sao cho

việc lấy nước trên sông trong mùa cạn của tỉnh ở thượng lưu trong giới hạn không làm cạn kiệt dòng chảy ở hạ lưu.

- Thứ ba, đó là vấn đề chuyển nước của sông này cho các lưu vực sông lân cận cũng trong tình trạng thiếu nước có yêu cầu chia sẻ. Đây đang là vấn đề rất cấp thiết và gay gắt ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế xã hội và môi trường của nhiều khu vực, đòi hỏi phải xem xét giải quyết một cách hợp lý như là có cho phép chuyển nước hay không, nếu được chuyển thì có thể chuyển bao nhiêu, phải đảm bảo các điều kiện gì?

2) Đề xuất cơ chế và các giải pháp cho việc thực hiện chia sẻ phân bổ tài nguyên nước

Chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước đã được thực hiện trên nhiều lưu vực sông của thế giới, nhưng đối với các lưu vực sông của Việt Nam, vấn đề này rất mới, chưa có cơ chế, chính sách cũng như các điều kiện cần thiết để thực hiện. Vì thế quy hoạch cũng cần tập trung vào đề xuất cơ chế và các giải pháp cho việc thực hiện.

3) Lồng ghép để giải quyết các tồn tại trong khai thác sử dụng và phát triển tài nguyên nước

Do chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước là một nội dung của khai thác sử dụng, phát triển tài nguyên

nước lưu vực sông, nên trong quy hoạch chia sẻ, phân bổ tài nguyên nước, nhất là khi xem xét đề xuất các giải pháp, quy hoạch cũng phải lồng ghép giải quyết các tồn tại khác trong khai thác sử dụng, phát triển tài nguyên nước, nhất là các tồn tại làm hạn chế hiệu quả sử dụng tổng hợp tài nguyên nước.

6. Kết luận

Tóm lại, cho đến nay trong các lưu vực sông ở Việt Nam đã có một số quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên nước nói riêng, nhưng các quy hoạch này thường do từng ngành xây dựng, có tính chất đơn ngành mà không xét đến hoặc xét đến không đầy đủ đến các ngành khác, nên không có chiến lược và quy hoạch tổng hợp khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước. Hậu quả là dễ phát sinh những mâu thuẫn về nước.

Để khai thác, sử dụng tổng hợp và bảo vệ tài nguyên nước nói chung, cần xây dựng chiến lược và quy hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước, trong đó chú trọng quy hoạch chia sẻ và phân bổ tài nguyên nước, nhằm phân phối hợp lý nguồn nước cho các nhu cầu, giải quyết những mâu thuẫn về nước giữa các ngành, giữa các vùng, giữa các địa phương để đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Tài nguyên nước (Luật số 08/1998/QH10)
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2006) - Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020 - Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
3. Cục Quản lý Tài nguyên nước (2006) - Tuyển chọn các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước - Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Nghị định 120/2008/NĐ-CP - Về quản lý lưu vực sông
5. Cục quản lý Tài nguyên nước (2008) - Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Ba - Báo cáo tổng kết dự án.
6. Nguyễn Thanh Sơn. Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Viết Phổ, Vũ Văn Tuấn, Trần Thanh Xuân. Tài nguyên nước Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2003.
8. www.cesti.gov.vn . Mạng thông tin Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh.